

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2017

V/v tranh chấp về hôn nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mậu Đảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên;
2. Bà Ngô Thị Tân.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Mỹ Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXX-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quang N, địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Viết T, địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Luật sư của Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong nội dung Đơn xin ly hôn đề ngày 30-5-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị (T) và anh Lê Quang N đã tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới ngày 26-6-1989 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, Chị về chung sống với anh N tại gia đình anh N ở thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hai bên luôn coi nhau là vợ chồng, chung sống hạnh phúc, đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng, cãi vã nhau, anh N có đánh đập Chị. Nay, tình trạng quan hệ hai bên căng thẳng, sống ly thân từ ngày 21-02-2017. Chị không còn tình cảm với anh N theo nghĩa vợ chồng, cuộc sống chung không hạnh phúc nên Chị xin ly hôn.

Tại Bản tự khai, bị đơn - anh Lê Quang N trình bày: Anh (N) và chị Nguyễn Thị T đã tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới ngày 26-6-1989 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sống với nhau từ đó đến nay, không có vấn đề gì xảy ra. Từ ngày 10-01-2016, Anh có lời lẽ thô tục với chị T, vì từ việc đó mà đến ngày 16-6-2016 chị T bỏ nhà ra đi, đến ngày 10-12-2016 trở về lo việc cưới cho con trai, hai bên không hòa thuận, chị T lại ra đi, nay chị T về xin ly hôn, Anh hoàn toàn không chấp nhận.

Về con, tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang N đều khai thống nhất có 02 con chung là Lê Thị L, sinh ngày 04-5-1990 và Lê Tuấn A, sinh ngày 22-12-1992; hai bên đều không có yêu cầu giải quyết về con và tài sản.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày ý kiến như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Bị đơn có ý kiến: Tuy trước đây, vợ chồng sống tình cảm, hạnh phúc nhưng đến nay đã thay đổi, không còn được như trước nữa, chị T muốn ly hôn Anh cũng chấp nhận giải quyết theo yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt, bị đơn đồng ý việc đó và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử; việc Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa không thuộc trường hợp phải có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang N chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 26-6-1989 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nay, chị T thấy không còn tình cảm theo nghĩa vợ chồng đối với anh N, không muốn sống chung cùng anh N nữa; tại phiên tòa, anh N chấp nhận việc giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang N không có đăng ký kết hôn; các bên đều thừa nhận, chính quyền địa phương nơi cư trú của các đương sự (xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) xác nhận về việc này, các đương sự cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ nào về việc kết hôn của họ. Theo quy định

tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang N.

[3] Về con, tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang N đều không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Quang N.

2. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001004 ngày 13-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Q;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Mậu Đảo